

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 105/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 12 - 2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa,

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Trầm

2/ Ông Phùng Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Kim P, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp L, xã T, tỉnh Tây Ninh (Trước là ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Long An) (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T năm 1997; Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp (là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang); Hiện đang bị giam tại Trại giam P1 (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2025 cùng lời khai của bà Mai Thị Kim P trình bày:

Bà P và ông Nguyễn Trung T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 do Ủy ban nhân dân xã T huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 29/7/2020, có với nhau 2 con chung tên là Nguyễn Trung N ngày 03/6/2020 và Nguyễn Mai Huỳnh N1 sinh ngày 30/10/2021.

Sau khi kết hôn, bà P và ông T sống tại nhà gia đình ông T, sau đó thuê nhà ra ở riêng. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến sau khi sinh con đầu, bà P chăm con, còn ông T đi làm đôi khi do mệt mỏi nên xảy ra gây cãi với nhau. Từ năm 2021, sau khi sinh con thứ 2 thì ông T cờ bạc, gây nợ nần nhiều. Bà P nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi vẫn tiếp tục cờ bạc và gây nợ nần, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà P nhiều lần làm đơn ly hôn nhưng chưa nộp do con còn nhỏ, tuy nhiên do ông T không thay đổi nên tình cảm vợ chồng dần mất đi. Đến hiện nay, bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trẻ Nguyễn Mai Huỳnh N1 đang sống cùng với bà P và bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N1. Trẻ Nguyễn Trung N đang ở cùng bà nội, nên bà P để ông T tiếp nuôi dưỡng trẻ N (hiện bà nội sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc thay ông T trong thời gian ông T chấp hành án tù). Về cấp dưỡng nuôi hai con: bà P tự thỏa thuận với ông T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P đang làm nhân viên phục vụ tại nhà hàng Cánh đồng vàng với thu nhập là 10.000.000đồng/tháng. Khi bà P đi làm thì người thân sẽ phụ chăm sóc trẻ N1 và hiện nay trẻ N1 phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, bà P có đủ điều kiện để nuôi trẻ N1.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phong có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy khai ngày 30/10/2025, ông Nguyễn Trung Tị đơn trình bày:

Ông Tà Mai Thị Kim P tự nguyện chung với nhau vào năm 2020 có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T huyện C, tỉnh Tiền Giang, có 02 con chung tên là Nguyễn Trung N sinh ngày 03/6/2020 và Nguyễn Mai Huỳnh N1 sinh ngày 30/10/2021.

Sau khi kết hôn, cả hai sống ở nhà gia đình ông T được 1 năm thì ra ngoài ở riêng. Trong cuộc sống vợ chồng, không có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng cùng làm ăn chung có thu nhập. Nhưng do ông T cờ bạc, tiêu xài nhiều nên vợ chồng không có tạo được tài sản gì. Ngày 20/3/2024 ông Tắt giam do tội gây rối trật tự công cộng với thời gian chấp hành án là 2 năm tù. Hiện ông T còn rất yêu thương vợ, nên không đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 2 con, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, và Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận bà Mai Thị Kim P được ly hôn ông Nguyễn Trung T. Về con chung: Ông Nguyễn Trung T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Trung N, bà Mai Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Mai Huỳnh N1. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông T không có yêu cầu giải quyết; Về án phí: đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 05/9/2025, bà Mai Thị Kim P có đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2025 yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Trung T cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang), do đó đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Ông Nguyễn Trung T là bị đơn có đơn đề ngày 30/10/2025 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Trung T.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Mai Thị Kim P và Nguyễn Trung T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 do Ủy ban nhân dân xã T C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã C tỉnh Đồng Tháp) cấp ngày 29/7/2020. Nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân của bà P và ông T hợp pháp.

Bà P yêu cầu ly hôn ông T do ông T cờ bạc gây nợ nần, bà P khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, làm mất dần tình cảm.

Phía ông T không đồng ý ly hôn, nhưng ông T thừa nhận có cờ bạc, tiêu xài nhiều tiền.

Như vậy, việc bà P bày về mâu thuẫn vợ chồng là có thật và dẫn đến việc bà Pnh tình cảm vợ chồng không còn, cho thấy tình nghĩa vợ chồng của bà P Tg còn như Điều 19 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014 đã nêu: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ...”.

Chính vì vậy có cơ sở khẳng định hôn nhân của bà P và ông T vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà P hoàn toàn tự nguyện xuất phát từ mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

- Về con chung: căn cứ lời khai của đương sự và giấy khai sinh số 371 ngày 10/8/2020, số 72 ngày 17/01/2022 do Ủy ban nhân dân xã T huyện C, tỉnh Tiền Giang thể hiện bà P và ông T có 2 con chung là Nguyễn Trung N sinh ngày 03/6/2020 và Nguyễn Mai Huỳnh N1 sinh ngày 30/10/2021.

Xét: Ông T đang chấp hành án tù thời hạn là 2 năm tính từ ngày 20/3/2024 (theo Quyết định Thi hành án phạt tù số 77/2025/QĐ-CA ngày 17/7/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp). Theo lời khai của bà P bày hiện trẻ N nội chăm sóc, còn trẻ Như do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Và qua xác minh thì ông bà nội của trẻ N ỗ trợ ông T sóc trẻ N trong thời gian ông T hành án tù. Do đó, để tạo sự ổn định cho cuộc sống của hai trẻ và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nhẫn, và bà P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Như.

Về cấp dưỡng nuôi 2 con: Bà P và ông T không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: bà Mai Thị Kim P chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0003982 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Kim P:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Kim P được ly hôn ông Nguyễn Trung Trục.

- Về con chung:

Ông Nguyễn Trung T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Trung N sinh ngày 03/6/2020.

Bà Mai Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Mai Huỳnh N1 sinh ngày 30/10/2021.

Về cấp dưỡng nuôi 2 con: Bà Mai Thị Kim P và Nguyễn Trung T không có yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị Kim P và ông Nguyễn Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Kim P phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0003982 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/ Bà Mai Thị Kim P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Ông Nguyễn Trung T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa